Bài 4 **ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI:**

 **VĂN HAY**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản *Văn hay:*

 + Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

 + Nêu được nội dung bao quát của văn bản: nhận biết được đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chỉnh thể tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

 + Nêu được những thay đổi, suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

**2*.* Phẩm chất:** Nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Giáo viên**

  - Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

  - Thiết kế bài giảng điện tử.

  - Phương tiện và học liệu:

    + Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

    + Học liệu: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

    + Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc.

**2. Học sinh**

- Đọc tài liệu có liên quan đến văn bản truyện cười.

- Đọc phần **Tri thức Ngữ văn** và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc – hiểu văn bản trong sách giáo khoa; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Đọc truyện cười sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

**Ngưu là con bò tót**

 Một thầy đồ dốt, ngồi dạy học ở nhà nọ. Có nhiều chữ thầy không biết, nên phải đi hỏi người ngoài rồi mới về dạy lại.

 Một hôm, dạy đến chữ "bôn" nghĩa là chạy, chữ chồng lên nhau, đoán mãi không ra chữ gì, mới hỏi dò người ta:

 - Có giống gì khoẻ bằng ba con trâu không nhỉ?

 Có người bảo:

 - Có giống bò tót.

 Thầy về dạy học trò:

 - Ngưu là con bò tót.

 Một hôm khác, thầy lại đến dạy chữ "đinh", mặt chữ thì biết, mà nghĩa thì lại không hay, nhưng vội quá, không kịp đi hỏi. Thấy chữ viết giống như cái giằng cối xay, thầy bèn dạy liều:

 - Ðinh là giằng cối xay.

 Nhà chủ thấy thầy dốt quá, đành mời thầy cắp tráp ra cửa và đọc tiễn thầy một bài thơ:

*Ngưu là con bò tót*

*Ðinh là giằng cối xay*

*Thầy dạy hay chữ quá*

*Xin thầy về đi cày...*

 (Sưu tầm)

\* Câu hỏi:

- Đối tượng mà tiếng cười hướng đến trong truyện cười *Ngưu là bò tót* là ai? Nhân vật đó có những đặc điểm gì?

- Qua truyện cười trên, tác giả dân gian muốn gửi gắm bài học gì?

\* **Dự kiến câu trả lời:**

- Đối tượng mà truyện cười hướng đến trong truyện cười *Ngưu bò tót* là thầy đồ. Nhân vật thầy đồ dốt, không biết chữ, không thừa nhận cái dốt của mình.

- Qua truyện cười trên, tác giả dân gian muốn gửi gắm đến bài học: Con người cần ham học hỏi, không nên giấu cái dốt của mình

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và trả lời.

- GV động viên, khuyến khích HS.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

HS chia sẻ những suy nghĩ của bản thân.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**🡺GV dẫn vào bài**:

 *Ngoài những nhân vật có thói hư tật xấu như những truyện cười đã học, đối tượng mà tiếng cười hướng đến còn là những ông thầy đồ “dởm” với nhiều thói xấu: dốt nát, tham ăn, mê tín,...Qua những truyện cười này, tác giả dân gian nhằm châm biếm, đả kích, chế giễu những nhân vật thầy đồ này, từ đó đưa ra những bài học bổ ích cho cả người dạy và người học trong xã hội xưa và nay. Để hiểu rõ hơn về loại truyện cười này, cô trò chúng ta cùng đi tìm hiểu bài học ngày hôm nay – truyện cười “Văn hay”.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Tìm hiểu chung về văn bản *Văn hay*****Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:****HĐ cá nhân**- GV hướng dẫn HS đọc VB:+ Đọc kĩ từng phần của văn bản:  đọc to, rõ ràng, chú ý sử dụng kĩ năng suy luận.- Xác định phương thức biểu đạt.**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**- HS đọc VB. - HS xác định phương thức biểu đạt của VB.- HS thực hiện.**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**- GV gọi 1 – 2 HS đọc VB, trình bày câu trả lời về phương thức biểu đạt- HS khác nghe, bổ sung.**Bước 4. Đánh giá, kết luận** GV nhận xét mức độ đạt được về kiến thức, kĩ năng của từng câu trả lời, về thái độ làm việc khi thảo luận của HS. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản *Văn hay*****1. Đọc – kể**GV yêu cầu HS đọc văn bản:+ Giọng đọc: đọc to, rõ; phân biệt lời của các nhân vật.+ Chú ý đến những chi tiết tiêu biểu.+ Trong quá trình đọc, chú ý sử dụng kĩ năng suy luận.**2. Phương thức biểu đạt:** Tự sự  |

**2.2. Suy ngẫm và phản hồi**

**\*Các phiếu học tập:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHT 03: TÌM HIỂU VỀ CÁC YẾU TỐ CỦA TRUYỆN CƯỜI TRONG VB 1, 2****Em hãy hoàn thành các yêu cầu trong bảng dưới đây:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các yếu tố/yêu cầu** | ***Vắt cổ chày ra nước*** | ***May không đi giày*** |
| **Đề tài**(Xác định đề tài của truyện) |  |  |
| **Bối cảnh**(Nhận xét về bối cảnh của truyện cười) |  |  |
| **Cốt truyện**(Xác định cốt truyện của truyện cười trên) |  |  |
| **Nhân vật**(Đối tượng mà tiếng cười hướng đến trong truyện là nhân vật nào?Nhân vật người vợ được khắc họa qua những chi tiết nào? Em có nhận xét gì nhân vật này?) |  |  |
| **Ngôn ngữ**(Nhận xét về ngôn ngữ của truyện cười) |  |  |
| **Thủ pháp gây cười**(Tác giả dân gian đã tạo ra tiếng cười bằng cách nào?) |  |  |

 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản  phẩm** |
| **\*Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản****\*NV1: Đặc điểm của thể loại truyện cười qua VB** **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:** Thảo luận theo 4 nhóm.Hoàn thành PHT 01.**+ Nhóm 1, 2:** Tìm hiểu đề tài, bối cảnh, cốt truyện và nhân vật (theo yêu cầu trong PHT)**+ Nhóm 3, 4:** Tìm hiểu ngôn ngữ và thủ pháp gây cười (theo yêu cầu trong PHT)**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**HS thảo luận, hoàn thành PHT**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - GV đại diện 2 nhóm lần lượt trình bày sản phẩm.- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm, chuẩn kiến thức.**Bước 4: Đánh giá, kết luận**GV nhận xét, bổ sung.**\*NV2: Tìm hiểu cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả và suy ngẫm về cách sống của bản thân sau khi đọc VB****Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**HĐ cá nhân trả lời câu hỏi:- Theo em, truyện *Văn hay* thể hiện cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả như thế nào?- Em có suy nghĩ về cách sống của bản thân sau khi đọc VB?**Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.**- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**- GV gọi 1 – 2 HS trả lời.- HS khác bổ sung, nhận xét.**Bước 4: Đánh giá, kết luận**GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **II. Suy ngẫm và phản hồi****1. Đặc điểm của thể loại truyện cười qua VB *Văn hay*** **a. Đề tài** - Đề tài: Mỉa mai, châm biếm thầy đồ. **b. Bối cảnh** Không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ. **c. Cốt truyện**Cốt truyệnxoay quanh tình huống một ông chồng cứ tưởng mình viết hay nhưng mà sự thực thì không phải vậy. **d. Nhân vật** - Nhân vật: Loại nhân vật thứ nhất - thầy đồ với tật xấu: quá tự tin, không nhận ra khả năng viết văn “dở” của mình. - Cụ thể: **\* Nhân vật thầy đồ** (người chồng)- đối tượng mà tiếng cười hướng đến: + Khi nghe người vợ bảo lấy giấy khổ to để viết, ông đồ lấy làm đắc chí cho là vợ khen tài văn chương của mình, ý văn dồi dào giấy khổ nhỏ không đủ chép. => Người chồng đắc chí về tài năng của mình, không nhận ra hàm ý mỉa mai của người vợ.**\* Nhân vật người vợ** + Khi thấy người chổng mải miết viết, người vợ đã nói câu đầy hàm ý: “Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?” + Khi người chồng chưa hiểu ra, người vợ đã nói thêm một câu đầy hàm ý khác: “Ông chả biết tính toán gì cả, giấy khổ to bỏ đi còn gói hàng, chứ giấy khổ nhỏ thì dùng làm gì được. => ý chê văn của chồng dở, viết rồi cũng bỏ đi (viết vào giấy to, bỏ đo còn lấy gói hàng, không uổng phí)=> Người vợ thể hiện sự châm biếm, nhẹ nhàng để người chồng hiểu ra vấn đề một cách rất nhẹ nhàng, tinh tế, khéo léo, thông minh và hài hước.**d. Ngôn ngữ**- Ngắn gọn, súc tích, hài hước và mang nhiều nét nghĩa hàm ẩn. Điều này thể hiện qua các câu văn trần thuật, lời nói của các nhân vật trong VB. Đặc biệt, nghĩa hầm ẩn được thể hiện qua 2 câu nói của người vợ.**e. Thủ pháp gây cười** - Tạo tình huống trào phúng – Khéo léo kết hợp lời người người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật để tạo nên những liên tưởng, bất ngờ, hài hước, thú vị:+ Tình huống anh thầy đồ ngồi cặm cụi viết văn và bị vợ mỉa mai, châm biểm về tài viết văn của mình+ Tiếng cười được tạo ra bằng sự không trùng khớp giữa nghĩa hàm ẩn của người nói và nghĩa hàm ẩn của người nghe trong cùng một câu nói và qua việc người vợ trêu người chồng về tài năng văn chương của ông (Câu nói ở cuối truyện: *“Ông chả biết tính toán gì cả, giấy khổ to bỏ đi còn gói hàng, chứ giấy khổ nhỏ thì dùng làm gì được.”*)**2. Cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả và suy ngẫm về cách sống của bản thân sau khi đọc VB**  **- Cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả:** VB mỉa mai, châm biếm nhẹ nhàng nhân vật thầy đồ quá tự tin, chưa nhìn nhận đúng về tài năng (viết văn) của mình.**- Suy ngẫm về cách sống của bản thân sau khi đọc:** Nhận thức rõ tự tin là tốt nhưng không nên tự tin thái quá; cần nhìn nhận đúng về khả năng của mình. Đồng thời, khi góp ý cho người khác về một vấn đề, cần khéo léo, tinh tế, hài hước và nhẹ nhàng để người khác không bị xúc phạm và tổn thương. |

**2.3. Hướng dẫn tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Yêu cầu HS: Hãy khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.- GV hướng dẫn, theo dõi, quan sát hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Hs trả lời.- Hs khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá, kết luận**GV nhận xét, bổ sung. | **III. Tổng kết****1. Nghệ thuật**- Truyện tạo tình huống trào phúng.- Sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn, súc tích, mang nhiều nét nghĩa hàm ẩn.**2. Nội dung – Ý nghĩa** Văn bản châm biếm nhẹ nhàng, hài hước anh thầy đồ quá tự tin về tài văn chương của mình, chưa nhìn nhận đúng tài năng của bản thân. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**\* Nhiệm vụ: Kĩ thuật viết tích cực**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

 Em hãy viết đoạn văn nghị luận khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ của em về tác hại của thói tự phụ (tự tin một cách thái quá về tài năng của mình).

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh xác định yêu cầu của đề, định hướng cách làm bài, rồi viết đoạn văn.

- Giáo viên gợi ý học sinh về yêu cầu đoạn văn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Học sinh báo cáo theo từng bước: Xác định đề - tìm ý- viết đoạn văn.

- Trình bày đoạn văn hoàn chỉnh.

**Bước 4.** **GV công bố kết quả và chuẩn hoá kiến thức**.

Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

**\* Rubrics đánh giá đoạn văn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).  | **1** |
| Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn.  | **0** |
| **Nội dung** |  Giới thiệu vấn đề: Tác hại của thói tự phụ. | **0,5** |
| * - Tác hại của tự phụ: Tự phụ là một tính xấu có tác hại. Nó làm cho con người ta ảo tưởng về bản thân mình. Tài năng chỉ có chút ít nhưng cứ nghĩ mình là thiên tài, để rồi hình thành thói quen tự mãn, khoe khoang đến mức lố bịch và đáng ghét.
* + Người tự phụ sẽ không được sự yêu thương, tôn trọng của nhiều người mà thay vào đó là bị cô lập, kỳ thị. Điều đó sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống của bản thân họ.
* + Người có tính cách tự phụ không biết lắng nghe, không chịu học hỏi và thường tự thu mình trong chiếc vỏ bọc của bản thân sẽ dễ dàng bị tụt hậu và thụt lùi hơn so với nhiều người.
* + Tính tự phụ sẽ ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của bản thân họ, những người ngạo mạn sẽ tạo ra một bức màn ngăn cách với thế giới bên ngoài.
 | **4** |
| Dẫn chứng (HS chọn dẫn chứng phù hợp) | **2** |
| Bài học nhận thức và hành động | **1** |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0,5** |
| **Sáng tạo** | Thể hiện bài học nhận thức sâu sắc; có mối liên hệ so sánh với thực tế bản thân em. | **1,0** |

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã thuyết phục được người đọc về vấn đề chưa? Nếu chưa, hãy khắc phục.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ****Yêu cầu:** Sưu tầm thêm một số truyện cười dân gian về nhân vật thầy đồ. Phân tích đặc điểm của truyện cười qua các truyện cười sưu tầm.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS suy nghĩ và làm việc độc lập tại nhà.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**HS có thể báo cáo sản phẩm vào tiết học buổi chiều.**Bước 4: Kết luận, nhận định** GV nhận xét, chốt kiến thức, kĩ năng. | Gợi ý: Một số truyện cười về thầy đồ như: *Tam đại con gà, Thầy đồ làm biếng, Đóng oản, Thầy đồ liếm mật*,... |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Tìm hiểu thêm các văn bản truyện cười khác*.*

- Chuẩn bị: Viết: *Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội*

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................